

QUYẾT ĐỊNH**Về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu Giấy chứng nhận;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Phân tích và Môi trường;

Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Phân tích và Môi trường;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận "**Trung tâm Phân tích và Môi trường**" đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ, với mã số **VIMCERTS 012** (Giấy chứng nhận kèm theo quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm phân tích và Môi trường phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký.

Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ, Trung tâm Phân tích và Môi trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THÚ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Sở TN&MT thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLCL (10).



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Trung tâm Phân tích và môi trường

(Kèm theo Quyết định số 261/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 01 năm 2019
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Nước

1.1. Nước thải

1.1.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số đo tại hiện trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1.	pH	TCVN 6492:2011	2 ÷ 12 pH
2.	Nhiệt độ	TCVN 4457:88	0 ÷ 55 °C
3.	TDS	SOP-CAE-HT-W01	0 ÷ 1.999 mg/L
4.	Lưu lượng	SOP-CAE-HT-W02	0,1-6,1 m/s

1.1.2. Lấy và bảo quản mẫu

TT	Tên thông số/công việc	Tên/số hiệu phương pháp lấy mẫu
1.	Nước thải	TCVN 5999:1995
		TCVN 6663-1:2011
		TCVN 6663-3:2016

1.1.3. Phân tích môi trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Giới hạn phát hiện/phạm vi đo
1.	Độ màu	SMEWW 2120 C:2017	5 Pt – Co
2.	TSS	TCVN 6625:2000	2 mg/L
3.	COD	Hach Method 8000	5 mg/L

2. Khí

2.1. Khí thải

2.1.1. Quan trắc hiện trường

- Thông số đo tại hiện trường

TT	Tên thông số	Tên/số hiệu phương pháp sử dụng	Dải đo
1.	Xác định vị trí lấy mẫu	US EPA Method 1	-
2.	Nhiệt độ	SOP-CAE-HT-A06	0 ÷ 1200 °C
		SOP-CAE-HT-A02a	
3.	Áp suất	SOP-CAE-HT-A06	0 ÷ 200 hPa



th